

Số: 30/CBTT-SDG.2026

Cần Thơ, ngày 29 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) sáu tháng đầu năm 2026 như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

- Mã chứng khoán: SDG
- Địa chỉ: 366E CMT8, P. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Điện thoại liên hệ: 0292 3884919 - E-mail: sdccantho@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính sáu tháng đầu năm 2026

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/08/2026 tại đường dẫn website: www.sadico.com.vn.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2026: không
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính sáu tháng đầu năm 2026.

Văn bản giải trình.

Bảng dữ liệu Kết quả kinh doanh so sánh với cùng kỳ.

Nơi nhận :

- Như trên;
- TTHCNS, TTTC;
- Website Công ty.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
CHỦ TỊCH HĐQT



Mai Công Toàn

Số: 31/CBTT-SDG.2026

Cần Thơ, ngày 29 tháng 08 năm 2026

*V/v giải trình BCTC sáu tháng đầu
năm 2026*

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính sáu tháng đầu năm 2026 như sau:

Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Báo cáo tài chính sáu tháng đầu năm 2026 của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ.

- Theo Báo cáo tài chính sáu tháng đầu năm 2026, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi **trên 10%** so với báo cáo cùng kỳ năm trước (Chi tiết tại bảng 1) và thay đổi 5% so với báo cáo sau kiểm toán (Chi tiết tại bảng 2).

* Giải trình nguyên nhân: Công ty đã cố gắng tăng cường công tác bán hàng, dự phòng được nguyên vật liệu giá tốt trước khi bị biến động giá, doanh thu của sáu tháng đầu năm 2026 tăng so với cùng kỳ 2025. Kết quả là lợi nhuận sau thuế tại kỳ báo cáo tăng so với cùng kỳ năm 2025.

* Giải trình nguyên nhân thay đổi 5%: trong kỳ phát hiện sai sót nên trình bày lại chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp, dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán 5%.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên;
- TTHCNS, TTTC;
- Website Công ty.

CHỦ TỊCH HĐQT



Mai Công Toàn

1. BẢNG DỮ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ

ĐVT : đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6T		So sánh	
			Năm nay	Năm trước	Giá trị	Tỷ lệ kỳ này/ kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	108.995.480.538	98.908.925.645	10.086.554.893	10%
2. Các khoản giảm trừ	02			4.350.000	(4.350.000)	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		108.995.480.538	98.904.575.645	10.090.904.893	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	95.407.019.763	90.653.094.978	4.753.924.785	5%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.588.460.775	8.251.480.667	5.336.980.108	65%
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21					
7. Doanh thu hoạt động TC	22	VI.3	2.026.349.444	2.984.964.559	(958.615.115)	-32%
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	2.468.413.911	1.684.208.681	784.205.230	47%
- Trong đó : Chi phí lãi vay	24		2.467.977.663	1.684.208.681	783.768.982	
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.184.941.859	1.342.728.145	(157.786.286)	-12%
10. Chi phí quản lý DN	26	VI.6	10.575.973.296	7.691.700.776	2.884.272.520	37%
11. Phân lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	27					
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.385.481.153	517.807.624	867.673.529	
13. Thu nhập khác	31	VI.7	240.302		240.302	
14. Chi phí khác	32	VI.8	1.100.134		1.100.134	
15. Lợi nhuận khác	40		(859.832)		(859.832)	
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.384.621.321	517.807.624	866.813.697	
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10				
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.384.621.321	517.807.624	866.813.697	167%

2. BẢNG DỮ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ

ĐVT : đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6T 2026		So sánh	
			Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Giá trị	Tỷ lệ sau kiểm toán/ trước kiểm toán
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	108.995.480.538	108.995.480.538		0%
2. Các khoản giảm trừ	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		108.995.480.538	108.995.480.538		
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	95.407.019.763	95.445.580.777	(38.561.014)	0%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.588.460.775	13.549.899.761	38.561.014	0%
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21					
7. Doanh thu hoạt động TC	22	VI.3	2.026.349.444	2.027.519.757	(1.170.313)	0%
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	2.468.413.911	2.467.977.663	436.248	0%
- Trong đó : Chi phí lãi vay	24		2.467.977.663	2.467.977.663		
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.184.941.859	1.184.941.859		0%
10. Chi phí quản lý DN	26	VI.6	10.575.973.296	10.462.902.891	113.070.405	1%
11. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	27					
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.385.481.153	1.461.597.105	(76.115.952)	
13. Thu nhập khác	31	VI.7	240.302	240.302		
14. Chi phí khác	32	VI.8	1.100.134	1.100.134		
15. Lợi nhuận khác	40		(859.832)	(859.832)		
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.384.621.321	1.460.737.273	(76.115.952)	
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10				
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.384.621.321	1.460.737.273	(76.115.952)	-5%